

Số: 1489 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Khu số 8 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 855/TTr-STNMT ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu số 8 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần xây dựng Thành Đô Bắc Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Dĩnh Trì, xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo

¹ Thành lập theo Quyết định số 1271/QĐ-TNMT ngày 08/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thành phố Bắc Giang, UBND xã Đình Trì, UBND xã Tân Tiến và UBND phường Đình Kê, Công ty cổ phần xây dựng Thành Đô Bắc Giang và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “KHU SỐ 8 THUỘC PHÂN KHU SỐ 2, THÀNH PHỐ BẮC GIANG”
(Kèm theo Quyết định số 489 /QĐ-UBND ngày 29 /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Khu số 8 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang”.
- Địa điểm thực hiện: xã Dĩnh Trì, xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần xây dựng Thành Đô Bắc Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi đầu tư: dự án được thực hiện tại xã Dĩnh Trì, xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 10,08ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Diện tích dự án khoảng 10,08 ha, quy mô dân số khoảng 2.132 người.

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: San nền; đường giao thông; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng; hệ thống thông tin liên lạc; khuôn viên cây xanh (CX1, CX2, CX-TT); cây xanh trên hè đường; bãi đỗ xe (BĐX); ga rác. Công trình nhà ở: Xây thô hoàn thiện mặt tiền 10 căn nhà ở với chiều cao 04 tầng tại các lô đất tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh, gồm các phân lô LK1 (05 căn), LK9 (05 căn) với diện tích đất 1.301,2 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền; đường giao thông; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng; hệ thống thông tin liên lạc; khuôn viên cây xanh (CX1, CX2, CX-TT); cây xanh trên hè đường; bãi đỗ xe (BĐX); ga rác. Công trình nhà ở: Xây thô hoàn thiện mặt tiền 10 căn nhà ở với chiều cao 04 tầng tại các lô đất tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh, gồm các phân lô LK1 (05 căn), LK9 (05 căn) với diện tích đất 1.301,2 m².

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động triển khai xây dựng dự án (giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án).
- Hoạt động vận hành khu đô thị (hoạt động của người dân trong khu đô thị).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích 54.724,9m² là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: dự án chiếm dụng khoảng 10,08 ha, trong đó khoảng 5,47ha là diện tích đất lúa (LUC) cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

- + Tác động của việc chiếm dụng đất lúa;
- + Tác động của việc giải phóng mặt bằng;
- + Tác động của việc chiếm dụng nương thoát nước;
- + Tác động của việc di dời mồ mả và các công trình văn hóa;
- + Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp san nền và đào đắp các hạng mục công trình dự án; Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san nền.

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; Từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; Từ quá trình hàn; Từ quá trình thi công mặt đường, trải bê tông nhựa nóng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị (từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hộ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trên công trường; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, chất thải rắn thông thường từ quá trình di dời mồ mả, bùn thải từ quá trình nạo vét nương hiện trạng, đất đào từ quá trình nạo vét đất hữu cơ; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án;

+ Chất thải nguy hại gồm dầu thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; dầu nhớt tổng hợp thải, thùng chứa dầu nhớt, ắc quy thải.

- Tác động không liên quan đến chất thải như: Tác động do tiếng ồn; độ rung; tác động đến hệ thống giao thông khu vực, tác động đến cơ sở hạ tầng khu vực, tác động tới kinh tế xã hội và tác động tới cảnh quan khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố liên quan tới đề điều trên tuyến đường vận chuyển cát, đá; các rủi ro, sự cố ngập úng, sạt lở, xói mòn; các rủi ro, sự cố thiên tai, thời tiết bất thường.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân:

+ Phát sinh nước thải của các hộ dân trong khu vực dự án và khu dân cư hiện trạng thôn An Phong.

+ Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày tại khu vực dự án.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án. Phát sinh khí thải từ hoạt động đun nấu của khu đô thị; từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ. Phát sinh mùi hôi từ khu tập kết rác thải sinh hoạt, hệ thống thu gom nước thải của dự án.

+ Chất thải thông thường: Bùn từ bể tự hoại, chất thải từ nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải; rác thải của các hộ dân...

+ Chất thải nguy hại: Các chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động sửa chữa phương tiện, thay thế thiết bị...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Rủi ro sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố khi xảy ra thiên tai, bão lụt, sét; sự cố tắc đường ống thoát nước của khu đô thị, sự cố do trạm biến áp của khu đô thị; sự cố lây lan dịch bệnh...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* *Nước thải:*

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Nước thải từ quá trình thi công trong quá trình xây dựng khoảng: 2,5m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải này là: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công: 4 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng coliforms,...

** Bụi, khí thải:*

+ Bụi từ hoạt động đào đắp san nền và đào đắp các hạng mục của dự án; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất san nền; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi rải nhựa (tuyến đường nội bộ). Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và đất san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải (hoi nhựa) phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có các thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC_s...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 50,4 tấn. Thành phần chủ yếu là gốc rễ cây, rơm rạ, cây bụi,...

- Chất thải từ hoạt động di rời mỏ mả khoảng 30 tấn. Thành phần gồm: gồm đất đá, bê tông, gạch vỡ, gỗ...

- Bùn nạo vét kênh mương hiện trạng khoảng 175 m³.

- Đất bóc hữu cơ bề mặt trên phần diện tích đất lúa khoảng 10.944,98 m³.

- Chất thải xây dựng như gạch vỡ, sỏi, đá, cát, đầu mẩu sắt thép, vỏ bao xi măng... phát sinh khoảng 1,4 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, xây dựng như dầu thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; dầu nhớt tổng hợp thải, thùng chứa dầu nhớt, ắc quy thải,... phát sinh khoảng 45 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông; sự cố liên quan tới đê điều trên tuyến đường vận chuyển cát đá; sự cố ngập úng, bồi lắng, sạt lở, xói mòn; sự cố do thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực kéo theo đất, cát, chất cặn bã xuống cống thoát nước xung quanh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án và từ khu dân cư hiện trạng thôn An Phong tiếp giáp dự án khoảng 1.279m³/ngày đêm (trong đó nước thải phát sinh từ dự án khoảng 1.264,8 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ khu dân cư hiện trạng khoảng 14,4 m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

* Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu của các hộ dân có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước thải với thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoni, H₂S....

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống trong khu đô thị, lượng phát sinh khoảng 2.771 kg/ngày.

- Bùn thải từ bể tự hoại khoảng 85,28 m³/năm.

- Chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Bùn, cặn từ hoạt động nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 4,65m³/năm, cành cây bị chặt bỏ khoảng 10m³/năm (Sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão),...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu đô thị:

+ Dầu thải phát sinh từ trạm biến áp khoảng 5.000 lít/lần thay (4 năm thay dầu 1 lần);

+ Bóng đèn huỳnh quang hỏng phát sinh khoảng 8,46kg/tháng;

+ Bên cạnh các loại chất thải nguy hại trên, khu đô thị còn có các loại đồ điện tử cũ hỏng, các loại chất thải khác phát sinh. Tuy nhiên loại chất thải này phát sinh không liên tục và không nhiều.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án,...

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án.

2.3.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực,...

- Tác động do sự cố như: Rủi ro sự cố tai nạn giao thông; Sự cố cháy nổ; sự cố thiên tai: bão, lũ lụt, sét; sự cố tắc/vỡ đường ống thu gom nước mưa và nước thải; sự cố trạm biến áp của dự án; sự cố lây lan dịch bệnh...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại 3 ngăn dung tích 10m³ đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường. Định kỳ 3 tháng/lần bổ sung các chế phẩm E.M để tăng cường hiệu quả xử lý. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 6 tháng/lần đến hút bùn cặn tại bể tự hoại đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải thi công:

+ Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công: Chủ dự án bố trí bãi chứa nguyên liệu bao gồm: Cát, sỏi, xi măng... để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu cũng như việc khó quản lý gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Bố trí khoảng 02 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng chứa nước thải rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị. Sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thải ra ngoài môi trường.

+ Xây dựng tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 03 m³/hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước đập bụi trên công trường thi công.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hạn chế nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ Dự án phối hợp với đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau: Sử dụng rãnh đất thoát nước tạm thời trong giai đoạn thi công được thiết kế đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn; Tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hố lắng thường xuyên; Hạn chế triển khai thi công vào mùa mưa bão; Không tập kết nguyên vật liệu xây dựng gần rãnh thoát nước.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Tưới nước trên công trường với tần suất 2 lần/ngày và tăng tần suất lên 3 - 4 lần/ngày vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi....

- Bố trí cầu rửa xe tại vị trí cổng công trường xây dựng, đảm bảo xe chở nguyên vật liệu, đất đá thải ra khỏi công trình phải được rửa sạch bánh, thân xe, bao che đầy đủ mới được lưu hành trên đường.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chủ Dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Thiết lập hàng rào tôn cao 3m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh đặc biệt là ranh giới giáp khu dân cư hiện trạng thôn An Phong, xã Tân Tiến.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

+ Tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi.

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi rải nhựa; Khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; Tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn hàn:

+ Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý mang đi xử lý 3 lần/tuần.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Sau khi thực hiện xong đèn bù, chủ dự án cho người dân thu hồi phần sinh khối cây trồng để tận thu sử dụng mục đích khác, tránh lãng phí tiền của và hạn chế phát sinh chất thải. Phần gốc, rễ cây, cây bụi,... Chủ dự án bố trí xe vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải phường Đa Mai cạnh đường bao đê Tả Lái Nghiên đối diện bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hiện trạng.

- Đất đào, bóc hữu cơ bề mặt được tận dụng để san lấp vào khu vực trồng cây xanh của dự án, không phát sinh dư thừa. Chủ dự án sẽ xin ý kiến của Sở Nông nghiệp về phương án sử dụng lượng đất màu dư thừa trước khi triển khai dự án, đảm bảo theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động di rời mộ: Chủ yếu là đất đá, bê tông, gạch vỡ... Chủ dự án bố trí xe vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải phường Đa Mai cạnh đường bao đê Tả Lái Nghiên đối diện bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hiện trạng.

- Bùn từ quá trình nạo vét mương đất hiện trạng: Chủ yếu là lớp bùn dẻo lẫn các thành phần sinh khối. Chủ dự án tận dụng dùng để san lấp vào khu vực trồng cây xanh của dự án, không phát sinh dư thừa.

- Chất thải xây dựng: Được phân loại tại nguồn:

+ Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa,... bán cho đơn vị thu mua.

+ Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư được đập nhỏ tận dụng cho việc san lấp mặt bằng bãi đỗ xe.

+ Đối với các chất thải không tận dụng được: Chủ dự án bố trí xe vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải phường Đa Mai cạnh đường bao đê Tả Lái Nghiên đối diện bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hiện trạng.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công trong khu vực Dự án. Các xe vận chuyển sẽ được đưa đến các Gara để rửa, sửa chữa và bảo dưỡng để hạn chế phát sinh chất thải.

- Đối với mỗi loại chất thải nguy hại phát sinh, Chủ dự án bố trí 04 thùng có nắp đậy, có dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 12 tháng/lần), tuân thủ theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Không thi công vào các khung giờ nghỉ trưa và hạn chế thi công máy móc có độ ồn lớn như máy đào, máy lu,... vào ban đêm để không gây ảnh hưởng đến giấc ngủ của người dân.

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Phải trang bị cho công nhân trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Có kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị gây tiếng ồn lớn không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp mặt bằng.

- Thường xuyên nhắc nhở, giáo dục công nhân tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng các thiết bị, phương tiện đúng quy định.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Lập bảng đề ra các nội quy và đội kiểm tra về an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy chế phòng, chống cháy nổ trên công trường.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ.

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ như lửa, chập điện, hàn điện, đun nấu tại công trường, hút thuốc ...

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế sự tắc nghẽn.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Nước mưa được thu gom từ các hố thu (hoặc hố thăm thu kết hợp) rồi chảy vào các tuyến cống tròn BTCT có bề rộng từ D600mm đến D1200mm sau đó thoát vào tuyến cống hộp đôi BxH=2x(2.5x2)m chạy dọc đường Trường Chinh phía Đông Nam của dự án.

- Thiết kế tuyến rãnh B300 đập đan thu nước mưa cho các khu dân cư hiện trạng thôn An Phong dài 385m để thoát nước vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực dân cư hiện trạng.

- Việc thu gom nước mưa ở mặt đường được thực hiện bởi các hố thu nước ven đường, khoảng cách trung bình giữa các hố là 30m.

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của khu đô thị được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại xây dựng bên trong các công trình hoặc ô đất xây dựng rồi thu về hệ thống rãnh B300 được xây dựng phía sau nhà, sau đó thu vào các giếng thu của mạng lưới cống thoát nước thải D300 ngoài phố, toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom về trạm xử lý nước thải chung của thành phố Bắc Giang đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.

- Nước thải của khu dân cư hiện trạng thôn An Phong được thu gom vào hệ thống rãnh B300 đập tấm đan, bố trí chạy theo dọc ranh giới giáp ranh khu dân cư với dự án, có tổng chiều dài 274m kết nối với hệ thống cống D300mm chạy dọc vỉa hè các tuyến đường, sau đó được thu gom toàn bộ trạm xử lý nước thải chung của thành phố Bắc Giang đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án.

- Khuyến khích các hộ dân, hộ kinh doanh trong dự án sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như điện, năng lượng mặt trời. Bên cạnh đó, tại các nhà bếp của mỗi hộ dân, hộ kinh doanh khuyến khích lắp đặt hệ thống chụp hút khói.

- Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường để hạn chế phát thải CFC.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Xây dựng hệ thống ga thu rác tạm thời tại khu vực CX2 thuận tiện cho việc gom dọn của công nhân môi trường. Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng ven tuyến đường nội bộ, cứ khoảng 100 m bố trí 1 thùng để người dân thuận tiện bỏ rác và chuyển về trạm trung chuyển chất thải để giảm thiểu phát tán mùi hôi.

- Định kỳ 6 tháng/lần: Nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải sinh hoạt:

- Dự án bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng ven tuyến đường nội bộ, cứ khoảng 100 m bố trí 1 thùng để dân thuận tiện bỏ rác. Hàng ngày rác thải phát sinh từ hộ gia đình, khu vực công cộng và khu dân cư cũ được thu gom về trạm trung chuyển rác diện tích 150m² đặt tại khu đất CX2, sau đó được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của thành phố để xử lý (đơn vị quản lý, vận hành có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định).

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khuyến khích 1 lần/năm.

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: Định kỳ 06 tháng/lần; đối với cây cối: vận chuyển khi phát sinh).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải từ thay dầu máy biến áp: Đơn vị quản lý vận hành (Công ty điện lực Bắc Giang) sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại tại các hộ dân: Các hộ dân có trách nhiệm tự thu gom, phân loại, xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại từ trường học, trung tâm thương mại, nhà văn hóa: Các đơn vị trực tiếp quản lý có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

Đơn vị được giao quản lý dự án phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng quy định hiện hành. Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100m đến 200 m.

- Thi công đường ống cấp nước theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo thiết kế.

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài. Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống cấp nước nhằm kịp thời phát hiện các khu vực rò rỉ, xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc làm mới.

- Bảo hành, bảo trì hệ thống trạm biến áp định kỳ theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm giám sát môi trường trong thời gian thi công xây dựng và cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

5.2. Giám sát chất thải:

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh, lưu giữ.

- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

6. Những yêu cầu đối với Chủ dự án

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất

thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 855/TTr-STNMT ngày 25/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.